

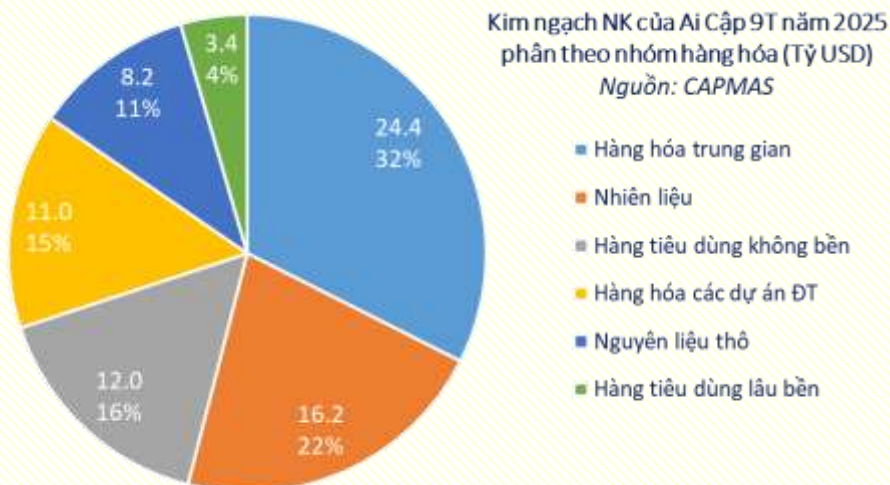
THÔNG TIN KINH TẾ - THƯƠNG MẠI

Kinh tế Ai Cập trong năm 2025 giữ được ổn định và có nhiều chuyển biến rõ rệt. Ngân hàng Trung ương Ai Cập (CBE) công bố dự trữ ngoại hối (NIRS) tiếp tục tăng lên mức kỷ lục 51,5 tỷ USD trong tháng 12/2025 và lạm phát toàn phần (y/y) tháng 11/2025 giảm xuống 12,3% so với 25,5% cùng kỳ năm 2024.

Cơ quan quản lý kênh đào Suez (SCA) thông báo doanh thu từ kênh đào Suez phục hồi tốt, dự kiến đạt 4,2 tỷ USD trong năm 2025, tăng 7,6% so với năm trước mặc dù giai đoạn từ tháng 7/2024 đến tháng 6/2025, lưu lượng tàu qua kênh đào Suez đã giảm mạnh 38,5% và khối lượng hàng hóa vận chuyển giảm 55,1% so với 1 năm trước đó khi an ninh bất ổn trong khu vực. Cùng với đó ngành du lịch tăng trưởng mạnh, ước tính đón 19 triệu lượt khách trong năm 2025 nhờ thu hút khách du lịch văn hóa đến từ châu Âu trong đó có Lễ khai trương Đại Bảo tàng Ai Cập (GEM) vào tháng 11/2025.

Ngoài ra, nguồn ngoại tệ quan trọng của Ai Cập là kiều hối đạt 37,5 tỷ USD trong 11 tháng đầu năm 2025, tăng 42,5% so với cùng kỳ năm trước. Kiều hối được xem là một trong những nguồn ngoại tệ lớn và ổn định nhất của Ai Cập, cùng với nguồn thu từ du lịch và kênh đào Suez, giúp đảm bảo dự trữ ngoại hối và giảm bớt áp lực lên cán cân thanh toán.

Nhìn chung, kinh tế Ai Cập trong năm 2025 cải thiện tốt nhờ các biện pháp cải cách của chính phủ, được thúc đẩy bởi tăng trưởng sản xuất phi dầu mỏ, xuất khẩu công nghệ và du lịch giúp tăng trưởng GDP thực tế đạt khoảng 4,4% trong năm tài chính 2024/2025. Ngân hàng Thế giới (WB) cũng nâng triển vọng kinh tế của Ai Cập, dự báo mức tăng trưởng GDP thực tế 4,3% trong năm tài chính 2025/26 và 4,8% trong năm tài chính 2026/27 - tăng lần lượt 0,7 và 0,2 điểm phần trăm so với dự báo tháng 4/2025.



Về thương mại, theo số liệu của Cơ quan Thống kê và Huy động công trung ương (CAPMAS), tổng kim ngạch XNK 9 tháng đầu năm 2025 của Ai Cập đạt 114,1 tỷ USD tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó xuất khẩu đạt 39,0 tỷ USD (tăng 17,8%), nhập khẩu 75,1 tỷ USD (tăng 7,0%), thâm hụt thương mại 36,1 tỷ USD (giảm 2,7%).

Các mặt hàng nông nghiệp Ai Cập nhập khẩu chính trong 9 tháng đầu năm 2025 bao gồm lúa mì (kim ngạch 2,6 tỷ USD, giảm 24,3% so với cùng kỳ năm 2024), ngô dùng trong chăn nuôi (2,0 tỷ USD, tăng 30,4%), đậu tằm (247 triệu USD, tăng 10,5%), táo tươi (158 triệu USD, tăng 32,6%), hạt tiêu (47,5 triệu USD, tăng 67,8%) và cà phê rang, chưa khử caffeine (25,1 triệu USD, tăng 31,3%).

Một số nhóm hàng thực phẩm quan trọng nhập khẩu vào Ai Cập 9 tháng đầu năm 2025 bao gồm dầu cọ và thành phần (1,1 tỷ USD, tăng 24,3%), thịt bò đông lạnh (717 triệu USD, tăng 11,8%), hạt hướng dương và thành phần (289 triệu USD, giảm 47,5%), sữa đặc đóng gói (152,5 triệu USD, giảm 15,1%) và cá ngừ chế biến (120,4 triệu USD, tăng 33,9%).

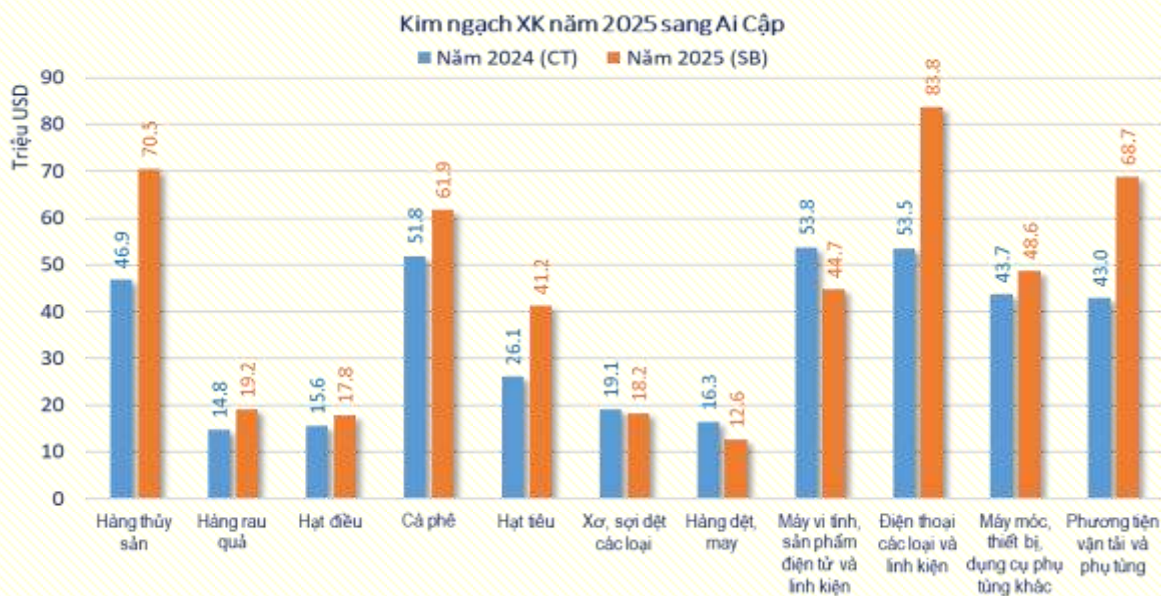
QUY ĐỊNH XNK MỚI

- Tổng cục Dịch vụ Thú y (GOVS), Bộ Nông nghiệp và Cải tạo đất Ai Cập thông báo không yêu cầu chứng chỉ Halal đối với sữa và các sản phẩm từ sữa nhập khẩu vào Ai Cập;
- Hải quan Ai Cập mở rộng áp dụng Hệ thống khai báo trước thông tin hàng hóa vận chuyển vào Ai Cập qua đường hàng không (Aviation ACI) có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM-AI CẬP

Theo số liệu sơ bộ của Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu năm 2025 của Việt Nam sang thị trường Ai Cập đạt mức kỷ lục 574,7 triệu USD, tăng 21,6% so với kim ngạch xuất khẩu (chính thức) của năm 2024.

Các nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với năm 2024 gồm hàng thủy sản (tăng 50,4%); rau quả (+29,7%); cà phê (+19,5%); hạt tiêu (+57,9%); hạt điều (+13,9%); phương tiện vận tải và phụ tùng (+60,0%); điện thoại các loại và linh kiện (+56,6%); máy móc, thiết bị (11,3%). Một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm gồm xơ sợi dệt các loại (giảm 4,4%); hàng dệt, may (giảm 23,0%); máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (giảm 16,9%).



Thị phần một số mặt hàng của Việt Nam nhập khẩu vào Ai Cập trong 9 tháng đầu năm 2025

STT	Mặt hàng	Kim ngạch NK của Ai Cập (Triệu USD)	Thị phần các nhà cung cấp chính (Nguồn: Hải quan Ai Cập)
1	Cà phê	325	Indonesia 39,8%, Việt Nam 19,0% , Brazil 8,2%
2	Hồ tiêu	57,8	Việt Nam 48,2% , Brazil 33,5%
3	Hạt điều	18,0	Việt Nam 59,2% , Brazil 35,9%
4	Cơm dừa	21,6	Việt Nam 39,4% , Indonesia 27,2%, Sri Lanka 10,2%
5	Phi lê cá đông lạnh	29,7	Việt Nam 97,4% , Norway 1,5%
6	Cá ngừ đóng hộp	120	Thái Lan 83,8%, Việt Nam 11,6% , TQ 3,4%
7	Cao su tự nhiên	54,1	Malaysia 45,9%, Bờ Biển Ngà 24,9%, Thái Lan 9,7%, Việt Nam 9,5%
8	Lốp xe cao su	471	Trung Quốc 24,4%, Thái Lan 14,8%, Thổ Nhĩ Kỳ 13,6%, Việt Nam 12,8%
9	Sợi staple tổng hợp	109	Trung Quốc 43,6%, Ấn Độ 25,2%, Thổ Nhĩ Kỳ 13,9%, Indonesia 8,0%, Việt Nam 1,3%
10	Điện thoại	1.203	Trung Quốc 77,3%, Việt Nam 7,7% , Mexico 1,4%